

TUẦN 7:

BÀI 7: ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC NƯỚC CHÂU Á

❖ HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI.

Khi tìm hiểu bài em mở sgk/trang 21 ra đọc bài nhé

1.VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC NƯỚC CHÂU Á (GIẢM TẢI HS TỰ TÌM HIỂU)

2. ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NƯỚC VÀ LÃNH THỔ CHÂU Á HIỆN NAY



? Dựa vào kiến thức đã học em hãy cho biết đặc điểm kinh tế xã hội các nước Châu Á sau chiến tranh thế giới lần thứ 2 như thế nào?

- ➔ Xã hội: + Nhật Bản thoát khỏi chiến tranh
- + Các nước lần lượt giành được độc lập.
- Kinh tế: + Kiệt quệ, thiếu lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, phương tiện sản xuất
- + Đời sống nhân dân khổ cực

? Dựa vào thông tin sgk/trang 22 cho biết nền kinh tế Châu Á bắt đầu có chuyển biến từ khi nào.

- ➔ Nền kinh tế Châu Á bắt đầu có chuyển biến từ nửa cuối thế kỉ XX.

Quốc gia	Cơ cấu GDP (%)			Tỷ lệ tăng GDP bình quân năm (%)	GDP /người (USD)	Mức thu nhập
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ			
Nhật Bản	1,5	32,1	66,4	0,4	33400,0	Cao
Cô - oét	-	58,0	41,8	1,7	19040,0	Cao
Hàn Quốc	4,5	41,4	54,1	3	8861,0	Trung bình trên
Ma-lai-xi-a	8,5	49,6	41,9	0,4	3680,0	Trung bình trên
Trung Quốc	15	52,0	33,0	7,3	911,0	Trung bình dưới
Xi-ri	23,8	29,7	46,5	3,5	1081,0	Trung bình dưới
U-dơ- bê-ki-xtan	36	21,4	42,6	4	449,0	Thấp
Lào	53	22,7	24,3	5,7	317,0	Thấp
Việt Nam.	23,6	37,8	38,6	6,9	415,0	Thấp

Bảng 7.2: Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội ở một số nước Châu Á năm 2001

	? Dựa vào bảng 7.2 và hình 7 sgk/trang 24 cho biết tên các quốc gia Châu Á được phân theo mức thu nhập thuộc những nhóm gì? Lưu ý: Để đọc được lược đồ phân loại các quốc gia và lãnh thổ Châu Á các bạn cần chú ý những điểm sau: ✓ Đọc bảng chú giải các thang màu thể hiện mức độ thu nhập ✓ Sau khi đọc chú giải thì xác định từng nội dung cần tìm hiểu ✓ Đọc kĩ trên bản đồ từ trái sang phải-từ trên xuống dưới để không bỏ sót ✓ Ghi chú lại cẩn thận tên các khu vực tránh ghi sai tên.
---	---

Mức thu nhập	Quốc gia, vùng lãnh thổ
Thu nhập cao	Nhật, Đài loan, Cô –oét, Các tiểu vương quốc, Ả rập thống nhất, Hồng Công, Ma Cao,..
Thu nhập TB trên	Ả rập xê út, Thổ Nhĩ Kỳ, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a, Li băng, Ô – man,...

Thu nhập TB dưới	Trung Quốc, Xiri, Thái Lan, Philippin, Irắc, Liên bang Nga, I ran, Sip, Xri Lan-ca, Giooc-đa-ni, Tuốc-mê-xi-a,..
Thu nhập thấp	Mông Cổ, Ấn Độ, Bắngladet, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Triều Tiên, Campuchia, Nê pan, Butan, Mi-an-ma, Lào,...

? Từ bảng kết quả trên và hình 7sgk/trang 24 cho biết các nước có thu nhập cao tập trung ở khu vực nào?

➔ Các nước có thu nhập cao thường tập trung ở khu vực Đông Á và các nước xuất khẩu dầu mỏ lớn ở Tây Nam Á.



Dựa vào bảng 7.2, hãy cho biết:

1. Nước có bình quân GDP đầu người cao nhất so với nước thấp nhất chênh lệch khoảng bao nhiêu lần?

-> Nước có bình quân GDP đầu người cao nhất: Nhật Bản (33400,0 USD)

Nước có bình quân GDP đầu người thấp nhất: Lào (317,0 USD)

=> Nước có bình quân GDP đầu người cao nhất so với nước thấp nhất chênh lệch khoảng số lần là:

$$= \frac{\text{Bình quân GDP đầu người của Nhật Bản}}{\text{Bình quân GDP đầu người của Lào}}$$

$$= \frac{33400,0}{317,0} = 105,36 \text{ (lần)}$$

4

? Dựa vào bảng 7.2 sgk/trang 22 cho biết chênh lệch bình quân GDP đầu người của Nhật Bản so với Việt Nam là bao nhiêu lần?

➔ Cách tính tương tự như cách tính Bình quân GDP của Nhật Bản so với Lào

$$= \frac{33400}{415} = 80,48 \text{ (lần)}$$

Từ năm 2008, Việt Nam đã thoát khỏi nhóm nước có thu nhập thấp, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình.

Hiện nay Việt Nam có mức thu nhập bình quân đầu người là **3743 USD (2021)**

2. Dựa vào bảng 7.2 sgk/trang 22 cho biết tỉ trọng giá trị nông nghiệp, công nghiệp trong cơ cấu GDP của các nước thu nhập cao khác với các nước có thu nhập thấp như thế nào?

-> Những nước có tỉ trọng nông nghiệp cao trong cơ cấu GDP đều có bình quân đầu người thấp và mức thu nhập chỉ trung bình dưới trở xuống.

- Những nước có tỉ trọng công nghiệp cao trong cơ cấu GDP đều có bình quân đầu người cao và mức thu nhập trung bình trên trở lên.

? Dựa vào bảng 7.2 sgk/trang 22 và thông tin sgk, em hãy hoàn thành bảng sau:

Nhóm nước	Đặc điểm phát triển kinh tế	Tên nước và vùng lãnh thổ
Phát triển cao		
Công nghiệp mới		

Đang phát triển		
Giàu nhưng trình độ phát triển KT XH chưa cao		

Gợi ý:

Nhóm nước	Đặc điểm phát triển kinh tế	Tên nước và vùng lãnh thổ
Phát triển cao	Nền KT-XH phát triển toàn diện	Nhật Bản
Công nghiệp mới	Mức độ công nghiệp hóa khá cao và nhanh	Xingapo, Hàn Quốc, Đài Loan,..
Đang phát triển	- Tốc độ CNH nhanh, nông nghiệp có vai trò quan trọng, dịch vụ phát triển, tốc độ tăng trưởng KT khá cao - Nền KT chủ yếu dựa vào nông nghiệp	Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan,.. - Việt Nam, Lào, Bangladet, Nêpan,..

Giàu nhưng trình độ phát triển KT XH chưa cao	Khai thác dầu khí để sản xuất	Cô oét, Brunây, Ả rập xê út
--	----------------------------------	-----------------------------

? Dựa vào thông tin sgk và bảng 7.2 sgk/trang 22 cho biết sự chênh lệch về mức thu nhập như vậy nói lên điều gì?

➔ Trình độ phát triển giữa các nước và vùng lãnh thổ khác nhau.

? Dựa vào kiến thức đã học và sự hiểu biết em hãy cho biết thế mạnh nổi bật của Trung Quốc, Ấn Độ, Pakystan là gì?

➔ Là các nước có thế mạnh về công nghiệp khai thác than

➔ Một số quốc gia tuy thuộc loại nước nông – công nghiệp nhưng lại có các ngành công nghiệp rất hiện đại.

? Dựa vào thông tin sgk em hãy nêu sự phát triển của các quốc gia Châu Á hiện nay?

➔ Hiện nay, ở Châu Á số lượng các quốc gia có thu nhập thấp, đời sống nhân dân nghèo khổ còn chiếm tỉ lệ cao.

Phần phía dưới các em hãy ghi chép thật cẩn thận vào vở!

NỘI DUNG BÀI HỌC

**1. VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC NƯỚC CHÂU Á
(GIẢM TẢI HS TỰ HỌC)**

**2. ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NƯỚC VÀ
LÃNH THỔ CHÂU Á HIỆN NAY**

a> Sau chiến tranh thế giới thứ 2

- Xã hội:

- + Nhật Bản thoát khỏi chiến tranh
- + Các nước lần lượt giành được độc lập
- Kinh tế:
- + Kiệt quệ, thiếu lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, phương tiện sản xuất
- + Đời sống nhân dân khổ cực

b. Trong nửa cuối thế kỷ XX đến nay:

- Trình độ phát triển KT – XH có chuyển biến mạnh mẽ nhưng không đều giữa các nước.
- Gồm 4 nhóm nước:
 - + Nhóm nước phát triển (Nhật Bản)
 - + Nhóm nước công nghiệp mới (Xingapo, Hàn Quốc, Đài Loan,..)
 - + Nhóm nước đang phát triển (Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Việt Nam, Lào, Băngladet, Nêpan,..)
 - + Nhóm nước giàu nhưng trình độ phát triển KT – XH chưa cao (Cô oét, Brunây, Ả rập xê út
- Một số quốc gia tuy thuộc loại nước nông – công nghiệp nhưng lại có các ngành công nghiệp rất hiện đại. (Trung Quốc, Ấn Độ, Pakystan)
- Hiện nay, ở Châu Á số lượng các quốc gia có thu nhập thấp, đời sống nhân dân nghèo khổ còn chiếm tỉ lệ cao.

BÀI TẬP LUYỆN TẬP, CÙNG CÔ

Câu 1: Nước nào sau đây tùy thuộc loại nước nông - công nghiệp nhưng lại có các ngành công nghiệp hiện đại như điện tử, nguyên tử, hàng không vũ trụ?

A. Pa-ki-xtan.

C. Trung Quốc.

B. Ấn Độ.

D. Tất cả đều đúng

Câu 2: Nước có mức độ công nghiệp hóa cao và nhanh (nước công nghiệp mới) là:

- | | |
|---------------|------------------|
| A. Sin-ga-po. | C. Đài Loan. |
| B. Hàn Quốc. | D. Tất đều đúng. |

Câu 3: Nước nào sau đây thuộc vào các nhóm nước có thu nhập cao.

- | | |
|--------------|--------------------|
| A. I-xra-en. | C. Nhật Bản |
| B. Cô-oét. | D. Tất cả đều đúng |

Câu 4: Nước nào có những mặt hàng nổi tiếng và được thế giới ưa chuộng nhất như tơ lụa, đồ sứ, la bàn, giấy viết?

- | | |
|--------------|----------------|
| A. Ấn Độ. | C. Trung Quốc. |
| B. Nhật Bản. | D. Hàn Quốc. |

Câu 5: Những nước có nền kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp là những nước:

- | | |
|---------------------|--------------------|
| A. Chậm phát triển. | C. Phát triển. |
| B. Đang phát triển. | D. Tất cả đều sai. |

DẶN DÒ

- Hoàn thành nội dung bài ghi của bài 7
- Chuẩn bị trước bài 8.

Nghiên cứu nội dung bài mới:

- **Đọc và trả lời câu hỏi in nghiêng Bài 8: Tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở các nước Châu Á**

ĐỐI CHIẾU PHÂN TỰ HỌC TUẦN 6

STT	Mật độ dân số TB	Nơi phân bố	Giải thích
1	Dưới 1 người/km ²	Bắc LB Nga, Tây Trung Quốc, Ả rập Xê út, I – rắc, I-ran, Pa-kis-tan và một số nước Trung Á.	Do là những khu vực khí hậu khắc nghiệt, lạnh giá, khô hạn, điều kiện sản xuất khó khăn, núi cao, hoang mạc,..
2	1 - 50 người/km ²	Phía Nam LB Nga, Mông Cổ, Băng la đét, một số nước Đông Nam Á, đông nam Thổ Nhĩ Kỳ, I-ran,.	Do điều kiện sản xuất còn nhiều khó khăn, khí hậu tương đối khắc nghiệt. (Khí hậu lục địa, ít mưa)
3	51 – 100 người/km ²	Ven Địa Trung Hải, một số khu vực của In-đô-nê-xi-a, ven đồng bằng duyên hải phía đông Trung Quốc.	Do các cao nguyên thấp, các vùng đồi tương đối thuận lợi cho sản xuất
4	Trên 100 người/km ² .	Nhật Bản, ven biển phía đông Trung Quốc, phí đông của ĐNA, Đồng bằng Ấn Hằng,	Do là đồng bằng rộng, đất đai màu mỡ, có khí hậu nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới gió mùa